

Số: 138 /QĐ-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng
Đảng và Chính quyền nhà nước định hướng ứng dụng

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTG ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị quyết số 32/NQ-HVTTNVN ngày 20/11/2024 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 568/QĐ-HVTTNVN ngày 24/12/2021 quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam; Quyết định số 234/QĐ-HVTTNVN ngày 16/04/2024 về ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ Kế hoạch 53/KH-HVTTNVN ngày 15/8/2025 về rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam; Quyết định số 1096 /QĐ-HVTTNVN ngày 05/12/2025 về thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, lãnh đạo Khoa Chính trị học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước định hướng ứng dụng, mã số 8310202.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước định hướng nghiên cứu ban hành kèm theo quyết định này áp dụng cho các khoá tuyển sinh từ năm học 2025-2026, là căn cứ để tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát quá trình đào tạo.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Chính trị học và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận :

- Ban Giám đốc HV
- Như điều 3;
- Lưu: VP, ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Minh Tuấn

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2026

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 138/QĐ-HVTTNVN ngày 25 tháng 12 năm 2026
của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)

1. Thông tin chung

- Tên, mã số ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước
- + Tên tiếng Anh: Master of Building up the Party and State Government
- + Mã ngành đào tạo: 8310202
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 02 năm; thời gian tối đa hoàn thành chương trình: 04 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Định hướng: **Ứng dụng**
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam nhằm đào tạo cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, chuẩn mực; có kiến thức chuyên sâu, hệ thống về Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; có khả năng nghiên cứu và vận dụng lý luận để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền Nhà nước; có khả năng giảng dạy, nghiên cứu, tham mưu, hoạch định và triển khai chính sách trong các cơ quan Đảng, nhà nước, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức khác; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước và một số ngành phù hợp khác... góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị.

2.2 Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Chương trình trang bị kiến thức cho người học hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước. Kiến thức lý luận, thực tiễn về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền Nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế và phương pháp nghiên cứu khoa học của ngành đào tạo. Nghiệp vụ về các mặt của công tác xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền Nhà nước.

2.2.2. Về kỹ năng

Chương trình trang bị cho người học những kỹ năng khả năng vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và thực tiễn công tác xây dựng Đảng và xây dựng Chính quyền Nhà nước. Có kỹ năng phát hiện, vận dụng, phân tích giải quyết các vấn đề thực tiễn về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhà nước; kỹ năng lãnh đạo, quản lý; kỹ năng tham mưu cho cấp ủy, lãnh đạo đơn vị trong hệ thống chính trị và trong các doanh nghiệp; xử lý các tình huống trong thực tiễn công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước. Có năng lực, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước. Có kỹ năng tham mưu, tư vấn chính sách; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận nhóm và làm việc nhóm linh hoạt và đúng quy định. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và xử lý tình huống trong thực tiễn công tác xây dựng Đảng và xây dựng Chính quyền Nhà nước.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm

Chương trình góp phần tạo lập và củng cố ở người học thái độ có khả năng tự chịu trách nhiệm; có năng lực làm việc độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân trong điều kiện làm việc thay đổi; đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch. Có năng lực làm việc nhóm, khả năng dẫn dắt, lãnh đạo trong hoạt động chuyên môn. Có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

KT 1: Vận dụng kiến thức triết học và phương pháp luận khoa học vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn trong xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học của ngành vào giải quyết các vấn đề thực tiễn cụ thể, bảo đảm tính khoa học, tính khả thi và hiệu quả ứng dụng.

KT 2: Vận dụng kiến thức về Đảng cầm quyền, phương thức lãnh đạo của Đảng, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách hành chính vào thực tiễn quản lý, lãnh đạo ở địa phương và cơ sở. Phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp đối với các vấn đề thực tiễn của công tác xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; công tác dân vận; công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

KT 3: Vận dụng tư duy quản lý công và quản trị hiện đại trong xây dựng chính quyền nhà nước, quản trị địa phương, quản lý công vụ, kiểm soát quyền lực, quản lý nhà nước về thanh niên và trẻ em trong bối cảnh chính phủ số, chính quyền điện tử.

3.2. Kỹ năng

KN 1: Có kỹ năng tham mưu, phản biện và tư vấn chính sách trong lĩnh vực xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước gắn với yêu cầu phát triển bền vững. Thiết kế và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức Đảng và bộ máy chính quyền theo hướng hiệu quả, thực chất.

KN 2: Thành thạo trong tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật ở địa phương và cơ sở. Có kỹ năng sử dụng công nghệ mới, phương pháp quản trị hiện đại trong nghiên cứu, tham mưu và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách.

KN 3: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết phục, làm việc nhóm và ra quyết định trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và tham mưu.

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

TC 1: Có năng lực thích nghi, tự định hướng nghề nghiệp và phát triển bản thân trong bối cảnh đổi mới quản trị quốc gia. Chủ động, sáng tạo trong phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn của công tác xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền nhà nước.

TC2 : Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tham mưu và tư vấn cho lãnh đạo, quản lý.

TC 3: Thể hiện đạo đức chính trị, tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ Nhân dân.

3.4. Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ

- NN: Tiếng Anh đạt trình độ 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên) hoặc các chứng chỉ tương đương theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 30/8/2021 về Ban hành hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

3.5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Công tác tại các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội từ trung ương đến địa phương, các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

- Nghiên cứu, giảng dạy tại các trường đại học, học viện, các trường chính trị, các viện nghiên cứu

- Tham mưu, tư vấn, xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước tại các tổ chức thuộc khu vực công và khu vực tư.

3.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ trong và ngoài nước cũng ngành đào tạo hoặc ngành đào tạo gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

- Có khả năng tiếp cận với qui định, quy trình công việc cụ thể đối với các vị trí được đảm nhận.

- Có khả năng học tập, nghiên cứu, tư duy sáng tạo để phát triển năng lực ở các cấp quản lý.

3.7. Các chương trình, chuẩn đầu ra đã đối sánh và tham khảo

3.7.1. Đối sánh với CTĐT định hướng nghiên cứu trong nước

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được xây dựng trên cơ sở kế thừa, đối sánh và tham khảo có chọn lọc các chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước uy tín trong nước, bảo đảm tuân thủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời phù hợp với sứ mệnh, chức năng và định hướng phát triển của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được đối sánh với: chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Chính trị Bộ Công an.

Chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền tập chung nhiều vào kiến thức chung (14 tín chỉ) và kiến

thức chuyên ngành (25 tín chỉ), trong đó có nhiều học phần mang tính ứng dụng cao như: Khoa học và nghệ thuật lãnh đạo, quản lý; Chính phủ điện tử; Quản lý tài chính công; Giao tiếp công vụ và PR trong hoạt động Chính phủ...

Chương trình đào tạo của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh lại tập chung nhiều vào khối kiến thức cơ sở ngành (15 tín chỉ) và kiến thức chuyên ngành (31 tín chỉ), trong đó có nhiều chuyên đề mang tính ứng dụng như: Thực hiện dân chủ trong Đảng ở nước ta hiện nay; Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hiện nay; Phương pháp viết luận văn thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước...

Học viện Chính trị Bộ Công an lại đảm bảo cân đối ở 3 khối kiến thức: kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (mỗi khối kiến thức 10-14 tín chỉ).

Các CTĐT định hướng nghiên cứu trên cho thấy việc tăng số lượng các học phần hoặc chuyên đề mang tính ứng dụng là cần thiết, ngoài ra có cơ sở tăng thêm những chuyên đề về viết luận văn thạc sĩ ngành ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước để giúp học viện có thể hoàn thành một Luận văn chất lượng cao.

3.7.2. Đối sánh chương trình đào tạo quốc tế

Các chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo nước ngoài được tham khảo, đối sánh là 02 chương trình đào tạo nước ngoài là: Đại học Nhân dân Trung Quốc - RUC (Trung Quốc) và Đại học Quốc gia Singapore - NUS (Singapore).

Với chương trình đào tạo thạc sĩ của Đại học Nhân dân Trung Quốc - RUC (Trung Quốc) tập trung chuyên sâu vào hệ thống Đảng - Nhà nước; Gắn lý luận Mác - Lênin với thực tiễn Trung Quốc; Phù hợp với học viên từ các nước có hệ thống chính trị tương đồng.

Còn với chương trình đào tạo thạc sĩ của Đại học Quốc gia Singapore - NUS (Singapore) tập trung nhiều vào những vấn đề Toàn cầu hóa, thực tiễn, hiện đại; phát triển kỹ năng lãnh đạo, phân tích chính sách; Nội dung cập nhật, giảng viên quốc tế...

Có thể thấy so với các chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước ở trong nước và ngoài nước, chương trình đào tạo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã thực hiện đúng bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam, có sự tương đồng nhất định với các chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước ở các cơ sở đào tạo uy tín và thể hiện rõ sứ mệnh, tầm nhìn của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam trong đào tạo và nghiên cứu. Định hướng nghiên cứu rõ ràng, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị.

3.8. Ma trận đóng góp của Chuẩn đầu ra vào Mục tiêu chương trình đào tạo

STT	Mã CDR	Mục tiêu 1	Mục tiêu 2	Mục tiêu 3
1	KT1	3	2	2
2	KT2	3	2	2
3	KT3	3	2	2
4	KN1	2	3	2
5	KN2	2	3	2
6	KN3	2	3	2
7	KN4	2	3	2
8	TC1	2	2	3
9	TC2	2	2	3
10	TC3	2	2	3

4. Điều kiện tuyển sinh

4.1. Yêu cầu đối với người dự tuyển

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30/8/2021 (Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT); Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành ngày 20/01/2026 (Quyết định số 32/QĐ-HVTTNVN) và Đề án tuyển sinh sau đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam Việt Nam công bố hàng năm.

4.1.1. Điều kiện về văn bằng

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-HVTTNVN, ngày 20/01/2026 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam:

Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành dự thi; có bằng tốt nghiệp ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự thi và hoàn thành các môn học bổ sung kiến thức tương đương trình độ cử nhân do Học viện cấp hoặc cơ sở đào tạo đại học khác có cùng mã ngành. Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng. Các học phần học bổ sung của từng ngành sẽ được thông tin trên thông báo tuyển sinh từng năm. Học viên khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi phải có bằng điểm các học phần học bổ sung đạt yêu cầu.

Ngành tốt nghiệp đại học được coi là ngành đúng của ngành đăng ký dự thi khi mã số (tên gọi) của ngành này và ngành đại học có chuyên ngành đào tạo thạc sĩ trùng nhau; được coi là ngành phù hợp khi nội dung chương trình đào tạo và khối lượng kiến thức (số đơn vị học trình hoặc số tín chỉ) khác nhau không quá 50%; được coi là ngành khác khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau trên 50%.

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Ứng viên đáp ứng yêu cầu theo quy định này có một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ tiếng Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ tiếng Anh;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục I của Quy chế do Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Đáp ứng các yêu cầu khác của chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo quy định của chương trình đào tạo.

4.1.2. Điều kiện về lý lịch bản thân

Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo

trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

Có đủ sức khỏe để học tập.

4.1.3. Điều kiện về hồ sơ

Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo thông báo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

4.2. Danh mục các ngành đúng, gần đúng với ngành đăng ký đào tạo

Nhóm ngành	TÊN NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH
Ngành đúng	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
Ngành phù hợp/ngành gần	- Xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam, Chính trị học. - Lịch sử Đảng, Công tác tư tưởng, Quản lý công, Hành chính học, Quản lý nhà nước, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, giáo dục chính trị, Công tác xã hội. - Các ngành thuộc nhóm ngành Khoa học chính trị, pháp luật tại Danh mục giáo dục đào tạo Việt nam cấp III theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4.3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

Nhóm ngành	CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG
- Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam, Chính trị học.	Không
- Lịch sử Đảng, Công tác tư tưởng, Quản lý công, Hành chính học, Quản lý nhà nước, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, giáo dục chính trị, Công tác xã hội. - Các ngành thuộc nhóm ngành Khoa học chính trị, pháp luật tại Danh mục giáo dục đào tạo Việt nam cấp III theo quy định của Bộ GD&ĐT.	1. Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng HCM về Đảng và xây dựng Đảng 2. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức 3. Quản lý hành chính nhà nước
- Các ngành không có tên trong danh mục ngành gần.	1. Đảng lãnh đạo các lĩnh vực xã hội 2. Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng HCM về Đảng và xây dựng Đảng 3. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức 4. Quản lý hành chính nhà nước 5. Đạo đức công vụ

Tùy vào các chuyên ngành cụ thể học ở bậc đại học mà học viên có thể được miễn, giảm các học phần chuyển đổi, nếu nội dung các học phần ở trên trùng ít nhất 2/3 nội dung các học phần có trong bảng điểm đại học.

4.4. Phương thức xét tuyển/thi tuyển

4.4.1. Việc tuyển sinh được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm do Học viện quyết định khi đáp ứng đủ điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình đào tạo thạc sĩ theo quy định hiện hành.

4.4.2. Phương thức tuyển sinh cho từng năm tuyển sinh do Giám đốc Học viện quyết định theo đề xuất của Hội đồng tuyển sinh (HĐTS), bao gồm thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

a) Căn cứ vào tình hình thực tế, việc đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào là Tiếng Anh có thể được tổ chức tại Học viện.

b) Việc tổ chức xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp xét tuyển với thi tuyển và đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào là Tiếng Anh phải đảm bảo đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển.

c) Phương thức tuyển sinh trực tuyến có thể được áp dụng khi đáp ứng những điều kiện bảo đảm chất lượng để kết quả đánh giá tin cậy và công bằng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

4.4.3. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện ít nhất 45 ngày tính đến ngày kết thúc nhận hồ sơ dự tuyển, bao gồm những thông tin sau:

- a) Đối tượng và điều kiện dự tuyển;
- b) Chỉ tiêu tuyển sinh theo chương trình đào tạo, hình thức đào tạo;
- c) Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và quy định những trường hợp phải hoàn thành học bổ sung;
- d) Hồ sơ dự tuyển: Hồ sơ dự tuyển được nộp về Học viện theo hướng dẫn trong Thông báo tuyển sinh.
- đ) Kế hoạch, phương thức tuyển sinh và quy trình xét tuyển;
- e) Nội dung thi, dạng thức đề thi hoặc yêu cầu và thang điểm kiểm tra năng lực. Môn thi tuyển được cộng điểm ưu tiên;
- f) Thời gian và phương thức nhận hồ sơ;
- g) Lịch thi tuyển;
- h) Thời điểm công bố kết quả tuyển sinh, khai giảng khóa học;
- i) Chính sách ưu tiên;
- k) Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học;
- l) Những thông tin cần thiết khác.

4.5. Hồ sơ tuyển sinh

4.5.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển/đăng ký dự thi bao gồm:

- a) Phiếu đăng ký xét tuyển/đăng ký dự thi (theo mẫu của Học viện);

b) Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc tương đương. Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Bản sao bằng điểm đại học có chứng thực;

d) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự nơi thí sinh đang làm việc hoặc của chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú;

đ) Giấy chứng nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền về việc thí sinh có đủ sức khoẻ để học tập, nghiên cứu;

e) Các giấy tờ xác nhận về đối tượng ưu tiên của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Quy chế này; các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ chứng minh trình độ ngoại ngữ đủ điều kiện xét tuyển hoặc được miễn thi ngoại ngữ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này;

g) 02 ảnh cỡ 4cm x 6cm sau ảnh ghi họ tên, ngày sinh, ngành đào tạo đăng ký xét tuyển/dự thi của ứng viên.

h) 03 phong bì có dán tem, ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại của người dự xét tuyển/dự thi;

Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển hoặc đăng ký dự thi chương trình định hướng nghiên cứu nhưng không thuộc đối tượng xếp hạng tốt nghiệp từ khá trở lên thì phải có thêm minh chứng về các công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

4.5.2. Thủ tục đăng ký xét tuyển/đăng ký dự thi:

a) Ứng viên đăng ký xét tuyển/đăng ký dự thi trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Học viện; nộp phí tuyển sinh tại bộ phận Tài vụ hoặc chuyển khoản theo thông báo của Học viện, sau đó nộp bản cứng hồ sơ đăng ký xét tuyển/đăng ký dự thi tại phòng Đào tạo hoặc chuyển qua đường bưu điện;

b) Trường hợp vì dịch bệnh hoặc các lý do bất khả kháng khác, ứng viên được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển/đăng ký dự thi theo hình thức trực tuyến.

4.6. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển theo Quyết định số 32/QĐ-HVTTNVN, ngày 20/01/2026 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Giám đốc Học viện ra quyết định công nhận học viên trúng tuyển khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Đối với phương thức xét tuyển: Kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký xét tuyển của ứng viên là căn cứ để công nhận trúng tuyển. Kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký xét tuyển được xác định dựa trên kết quả học tập ở bậc đại học (tối thiểu đạt yêu cầu theo quy định), xếp loại tốt nghiệp (từ hạng trung bình trở lên), sản phẩm khoa học đã công bố, trình độ ngoại ngữ của ứng viên.

b) Đối với phương thức thi tuyển: Kết quả thi tuyển sinh là căn cứ để công nhận trúng tuyển. Ứng viên đạt yêu cầu xét trúng tuyển nếu có điểm môn ngoại ngữ đạt từ 50,0 điểm trở lên (tính theo thang điểm 100) và điểm các môn cơ sở ngành, môn chuyên ngành đạt từ 5,0 điểm trở lên (tính theo thang điểm 10).

5. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

5.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín

- Tổng số tín chỉ: 60 tín chỉ, gồm 22 học phần, 01 đề án tốt nghiệp
- Phân bổ các khối kiến thức như sau:
 - + Khối các kiến thức chung: 3 học phần, 11 tín chỉ
 - + Khối kiến thức cơ sở ngành: 06 học phần, 14 tín chỉ. Trong đó gồm 04 học phần bắt buộc 10 tín chỉ và 02 học phần tự chọn 04 tín chỉ.
 - + Khối kiến thức chuyên ngành: 13 học phần, 26 tín chỉ. Trong đó gồm 11 học phần bắt buộc 22 tín chỉ và 02 học phần tự chọn 04 tín chỉ.
 - + Đề án tốt nghiệp: 09 tín chỉ.

5.2 Khái quát khối lượng chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỉ trọng
I. Khối kiến thức chung	11	18,3%
II. Khối kiến thức cơ sở ngành	14	23,4%
II.1. Kiến thức bắt buộc	10	16,7%
II.2 Kiến thức tự chọn	04	6,7%
III. Kiến thức chuyên ngành	26	43,3
III.1 Kiến thức bắt buộc	22	36,6
III.2 Kiến thức tự chọn	04	6,7
IV. Đề án tốt nghiệp	9	15%
Tổng	60	100%

5.3 Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
			Tổng số	LT	THLT
I. Khối kiến thức chung			11		
1	CT-UD801001	Triết học	4	3	1
2	CT-UD801002	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1
3	CT-UD801003	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	4	4	
II. Khối kiến thức cơ sở ngành			14		
1. Các học phần bắt buộc: 04 học phần			10		
4	CT-UD801004	Chính trị học nâng cao	2	1	1
5	CT-UD801005	Quản lý công	2	1	1

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
			Tổng số	LT	THLT
6	CT-UD801006	Nghiên cứu thực tế xây dựng Đảng	3	2	1
7	CT-UD801007	Nghiên cứu thực tế xây dựng Chính quyền nhà nước	3	2	1
2. Các học phần tự chọn: 04 học phần			4/8		
8	CT-UD801008	Chính sách công	2	1	1
9	CT-UD801009	Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo (chọn)	2	1	1
10	CT-UD8010010	Lãnh đạo và kỹ năng lãnh đạo chính trị	2	1	1
11	CT-UD8010011	Chính phủ điện tử và chính phủ số (chọn)	2	1	1
III. Kiến thức chuyên ngành: 13 học phần			26		
1. Các học phần bắt buộc: 11 học phần			22		
12	CT-UD8010012	Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới	2	1	1
13	CT-UD8010013	Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền	2	1	1
14	CT-UD8010014	Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực trọng yếu (nâng cao)	2	1	1
15	CT-UD8010015	Xây dựng Đảng về đạo đức	2	1	1
16	CT-UD8010016	Quản trị địa phương	2	1	1

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
			Tổng số	LT	THLT
17	CT-UD8010017	Chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng	2	1	1
18	CT-UD8010018	Nghịệp vụ công tác tổ chức, cán bộ của Đảng	2	1	1
19	CT-UD8010019	Quản lý nguồn nhân lực khu vực công	2	1	1
20	CT-UD8010020	Kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng	2	1	1
21	CT-UD8010021	Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng	2	1	1
22	CT-UD8010022	Tổ chức, cán bộ của Đảng	2	1	1
2. Các học phần tự chọn: 04 học phần			4/8		
23	CT-UD8010023	Văn hóa chính trị Việt Nam (chọn)	2	1	1
24	CT-UD8010024	Xây dựng chính quyền địa phương	2	1	1
25	CT-UD8010025	Quản lý nhà nước về thanh niên và trẻ em	2	1	1
26	CT-UD8010026	Kiểm soát quyền lực trong nhà nước pháp quyền (chọn)	2	1	1
27	CT-UD8010027	Cấp ủy và cơ quan tham mưu cấp ủy	2	1	1
IV	CT-UD8010028	Đề án tốt nghiệp	9		
Tổng cộng			60 tín chỉ		

5.4 Kế hoạch đào tạo theo từng học kỳ

TT	Mã học phần	Môn học	Số tín chỉ	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
1	CT-UD801001	Triết học	4	X			
2	CT-UD801002	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	X			
3	CT-UD801003	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	4	X			
4	CT-UD801004	Chính trị học nâng cao	2	X			
5	CT-UD801005	Quản lý công	2	X			
6	CT-UD801006	Nghiên cứu thực tế xây dựng Đảng	3		X		
7	CT-UD801007	Nghiên cứu thực tế xây dựng Chính quyền nhà nước	3		X		
8	CT-UD801009	Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo	2		X		
9	CT-UD8010011	Chính phủ điện tử và chính phủ số	2		X		
10	CT-UD8010012	Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới	2		X		
11	CT-UD8010013	Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền	2		X		
12	CT-UD8010014	Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực trọng yếu (nâng cao)	2		X		
13	CT-UD8010015	Xây dựng Đảng về đạo đức	2		X	X	
14	CT-UD8010016	Quản trị địa phương	2			X	
15	CT-UD8010017	Chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng	2			X	
16	CT-UD8010018	Nghệ vụ công tác tổ chức, cán bộ của	2			X	

TT	Mã học phần	Môn học	Số tín chỉ	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
		Đảng					
17	CT-UD8010019	Quản lý nguồn nhân lực khu vực công	2			X	
18	CT-UD8010020	Kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng	2			X	
19	CT-UD8010021	Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng	2			X	
20	CT-UD8010022	Tổ chức, cán bộ của Đảng	2			X	
21	CT-UD8010023	Văn hóa chính trị Việt Nam	2				X
22	CT-UD8010026	Kiểm soát quyền lực trong nhà nước pháp quyền	2				X
23	CT-UD8010029	Đề án Tốt nghiệp	9				X

6. Quy trình và kế hoạch đào tạo

6.1 Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30/8/2021 (Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT) và của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành ngày 20/01/2026 (Quyết định số 32/QĐ-HVTTNVN)

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được tổ chức triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam về tổ chức đào tạo và khảo thí (khối lượng học tập trực tuyến không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; đảm bảo chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp). Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thực hiện đào tạo trực tuyến các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2 Hình thức và thời gian đào tạo

1. Hình thức đào tạo chính quy được áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học được áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy đối với mỗi hình thức đào tạo thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với mỗi hình thức đào tạo, Học viện cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho học viên. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

a) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa được xác định phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm

đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo;

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn ít nhất 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo;

c) Giám đốc Học viện có thể cho phép học viên được kéo dài thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nhưng tổng thời gian tối đa để người học hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo. Học viên có thể rút ngắn thời gian đào tạo không quá 6 tháng nếu hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn thời gian đào tạo chuẩn theo quy định tại điểm a khoản này.

d) Thời gian người học được điều động vào lực lượng vũ trang, đi làm nghĩa vụ quốc tế ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền không tính vào thời gian đào tạo theo quy định tại khoản này.

6.3 Điều kiện tốt nghiệp

1. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Xác nhận của Trung tâm Thông tin- Thư viện về nội dung luận văn đã chỉnh sửa theo yêu cầu, được công bố trên website của Học viện

d) Báo cáo kiểm tra trùng lặp luận văn sau chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng đánh giá luận văn.

đ) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Học viện; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

2. Học viện tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp mỗi năm 3 đợt, học viên nộp luận văn đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết luận của hội đồng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện của Học viện. Trường hợp luận văn phải thẩm định, thời hạn tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp tối đa thêm 03 tháng.

Hội đồng xét tốt nghiệp do Giám đốc Học viện quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo. Hội đồng do Giám đốc Học viện làm chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm uỷ viên thường trực, các uỷ viên là Trưởng khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo có học viên tốt nghiệp, đại diện lãnh đạo các đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo.

Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện và đề nghị Giám đốc Học viện quyết định công nhận tốt nghiệp”

3. Học viên có thời gian chỉnh sửa luận văn tối đa 30 ngày kể từ ngày bảo vệ. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Học viện quyết định.

4. Nội dung ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó phụ lục văn bằng ghi rõ chương trình định hướng

ngiên cứu hoặc định hướng ứng dụng.

5. Đối với học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp theo thời gian học tập quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Giám đốc Học viện cấp chứng nhận kết quả các học phần học viên đã tích lũy trong chương trình đào tạo nếu học viên yêu cầu và trên cơ sở đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

7. Phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập

7.1. Phương pháp, công nghệ dạy học

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước theo định hướng ứng dụng được tổ chức theo các phương pháp giảng dạy hiện đại, kết hợp giữa dạy học tương tác, dạy học gián tiếp và dạy học trải nghiệm, nhằm phát triển năng lực tư duy lý luận, tư duy phản biện và năng lực nghiên cứu khoa học của học viên.

Ma trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Dạy học tương tác															
1	Thuyết giảng tương tác	x	x	x	x	x	x	x				x				
2	Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x			
II	Dạy học gián tiếp															
3	Giải quyết vấn đề	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x			
4	Nghiên cứu trường hợp	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x			
III	Dạy học trải nghiệm															
5	Nhập vai, mô phỏng					x	x	x	x	x	x	x	x		x	
6	Thực hành, nghiên cứu thực tế					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
7	Thực tế, thực tập, nghiên cứu thực tiễn	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
IV	Học viên thuyết trình															
8	Trình bày, bảo vệ kết quả nghiên cứu	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x			x

- PLO 1 - 5 (kiến thức): gắn mạnh với phương pháp thuyết giảng, thảo luận, nghiên cứu trường hợp.

- PLO 6 - 12 (kỹ năng, năng lực ứng dụng): gắn mạnh với phương pháp giải quyết vấn đề, thực hành, thực tế, thuyết trình.

- PLO 13 - 15 (tự chủ, trách nhiệm, thái độ nghề nghiệp): chỉ gắn chọn lọc với thực tế, thực tập, đề án/thuyết trình.

Các chuẩn đầu ra từ PLO13 đến PLO15 là các chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ, trách nhiệm nghề nghiệp và thái độ, được hình thành chủ yếu thông qua quá trình học tập, rèn luyện, trải nghiệm thực tiễn và thực hiện đề án tốt nghiệp; do đó được liên kết có chọn lọc với các phương pháp dạy học mang tính trải nghiệm và ứng dụng.

7.2. Phương pháp học tập

Ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra (PLOs) của chương trình đào tạo.

TT	Phương pháp học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Nghiên cứu tài liệu	x	x	x	x	x	x	x				x				
2	Làm việc nhóm	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x			
3	Quan sát, phân tích thực tiễn	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	
4	Trao đổi với giảng viên	x	x	x	x	x	x	x				x				
5	Ghi nhớ chủ động	x	x	x	x	x	x					x				
6	Đặt câu hỏi, phản biện học thuật	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x			
7	Lập sơ đồ tư duy	x	x	x	x	x	x					x				
8	Học qua nghiên cứu, dự án				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
9	Học qua trải nghiệm thực tiễn				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

- PLO 1 - 5 (kiến thức): hình thành chủ yếu qua phương pháp nghiên cứu tài liệu, tự học, trao đổi với giảng viên.

- PLO 6 - 12 (kỹ năng, năng lực ứng dụng): hình thành rõ qua phương pháp làm việc nhóm, phản biện, dự án, trải nghiệm thực tiễn.

- PLO 13 - 15 (tự chủ, trách nhiệm, thái độ nghề nghiệp): chỉ gắn mạnh với phương pháp học qua dự án và trải nghiệm thực tế

Các chuẩn đầu ra từ PLO13 đến PLO15 được hình thành chủ yếu thông qua quá trình tự học, rèn luyện, học tập trải nghiệm, thực hiện đề án và hoạt động thực tiễn

nghề nghiệp; do đó được liên kết có chọn lọc với các phương pháp học tập mang tính ứng dụng và trải nghiệm.

7.3. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo thang điểm 10, bảo đảm đánh giá đúng mức độ đạt chuẩn đầu ra của học viên.

Điểm học phần bao gồm:

- Điểm đánh giá ý thức và quá trình học tập (trọng số 0,10);
- Điểm tiểu luận, bài tập nghiên cứu (trọng số 0,30);
- Điểm thi kết thúc học phần (trọng số 0,60).

Học phần được coi là đạt yêu cầu khi điểm trung bình học phần từ 5,5 trở lên. Điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy được tính theo quy định hiện hành của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

8. Tóm tắt nội dung học phần

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
1	Triết học Philosophy	Môn học triết học là môn học nền tảng căn bản cung cấp đến người học những kiến thức từ lịch sử triết học đến triết học Mác- Lênin. Triết học trang bị kiến thức triết học về thế giới quan, phương pháp luận và vận dụng những kiến thức này trong quy trình phân tích, luận giải, tham mưu tư vấn chính sách về các vấn đề thuộc lĩnh vực đời sống xã hội, quản lý xã hội.
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học Research Methodology for Scientific Research	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên sâu về Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước trang bị cho người học hệ thống phương pháp nghiên cứu hiện đại, phù hợp với đặc thù lĩnh vực xây dựng Đảng và quản lý nhà nước. Qua học phần, người học có khả năng thiết kế, triển khai và phân tích nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ giảng dạy, hoạch định chính sách và thực tiễn công tác xây dựng Đảng, chính quyền cũng như có khả năng lựa chọn, xây dựng và triển khai một đề tài thuộc lĩnh vực chuyên môn
3	Ngoại ngữ English	Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể khả năng sử dụng các kỹ năng tiếng Anh trong công việc, học tập, du lịch, giao tiếp với người bản xứ trong cuộc sống hàng ngày như xử lý các tình huống hàng ngày, đọc các sách tài liệu đơn giản hay các bài báo trong tạp chí, viết thư về các chủ đề đơn giản, ghi chép tóm tắt trong một cuộc họp, hiểu được những ý chính của các chỉ dẫn minh bạch hoặc các thông báo công khai, xử lý hầu hết các tình huống gặp phải khi đang đi du lịch ở một đất nước nói tiếng Anh, đặt những câu hỏi đơn giản và tham gia vào các cuộc hội thoại thực trong môi trường làm việc.

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
4	Chính trị học nâng cao Advanced Political Science	Học phần ‘Chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay’ trang bị cho người học kiến thức cơ bản về sự tác động, mối quan hệ chính trị chung, phổ biến, cơ bản qua lại giữa các quốc gia, dân tộc; vai trò, ảnh hưởng của đời sống chính trị quốc tế (các nước lớn) đến đời sống chính trị quốc tế hiện nay. Mỗi quan hệ của chủ thể chính trị quốc tế và những nhân tố ảnh hưởng đến đời sống chính trị quốc tế hiện nay. Đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và ngoại giao của Nhà nước Việt Nam giai đoạn 1991 đến nay
5	Quản trị địa phương Local Governance	Học phần Quản trị địa phương cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Chính quyền địa phương; Khái niệm, đặc điểm, vai trò, chức năng của quản trị địa phương. Trang bị kiến thức thực tiễn về quản trị địa phương ở Việt Nam trên các lĩnh vực như tổ chức bộ máy, nhân sự; công tác lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương; phát triển kinh tế; quản lý cung cấp dịch vụ công cùng các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị địa phương theo hướng hiện đại, hiệu quả.
6	Nghiên cứu thực tế Xây dựng Đảng Practical Field Study on Party Building	Nghiên cứu thực tế Xây dựng Đảng nhằm giúp học viên gắn kết lý luận xây dựng Đảng với thực tiễn hoạt động của các tổ chức đảng ở cơ sở. Nội dung nghiên cứu thực tế tập trung khảo sát, tìm hiểu tình hình công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; phương thức lãnh đạo của cấp ủy; mối quan hệ giữa Đảng với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị – xã hội tại địa phương, cơ quan, đơn vị. Thông qua nghiên cứu thực tế, học viên phân tích những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và các yếu tố tác động. Từ đó đề xuất kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên.
7	Nghiên cứu thực tế xây dựng chính quyền nhà nước Practical Field Study on State Government Building	Nghiên cứu thực tế xây dựng chính quyền nhà nước nhằm giúp học viên gắn kết kiến thức lý luận về quản lý nhà nước với thực tiễn tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp. Nội dung nghiên cứu thực tế tập trung khảo sát mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và cơ chế vận hành của chính quyền nhà nước; việc thực hiện phân cấp, phân quyền; cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; quản lý tài chính công, cung ứng dịch vụ công và ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý. Thông qua nghiên cứu thực tế,

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
		học viên đánh giá kết quả, những khó khăn, hạn chế và các yếu tố tác động trong quá trình xây dựng, hoàn thiện chính quyền nhà nước, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, năng lực phục vụ nhân dân và đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới.
8	Chính sách công Public Policy	Học phần <i>Chính sách công</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận và quy trình xây dựng, thực thi, giám sát và đánh giá chính sách công. Học phần giúp người học nâng cao năng lực phân tích, đánh giá và vận dụng chính sách công vào thực tiễn quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội và quản trị quốc gia trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.
9	Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo Viewpoints of the Communist Party of Vietnam and the State's policies on Ethnic and Religion	Quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay là môn khoa học, trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về: Quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo; Đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam; Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta trong tiến trình cách mạng từ khi thành lập Đảng cho đến nay.
10	Lãnh đạo và kỹ năng lãnh đạo chính trị Political Leadership and Leadership Skills	Học phần Lãnh đạo và kỹ năng lãnh đạo chính trị nhằm cung cấp cho người học hệ thống kiến thức chuyên sâu về lãnh đạo và nghệ thuật lãnh đạo chính trị, các mô hình, phong cách lãnh đạo trong môi trường chính trị - hành chính, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, ra quyết định, giải quyết xung đột, điều hành tổ chức chính trị – xã hội hiệu quả, từ đó góp phần nâng cao phẩm chất chính trị, năng lực thực tiễn và tư duy chiến lược cho học viên.
11	Chính phủ điện tử và chính phủ số E-Government and Digital Government	Học phần cung cấp cho học viên có cái nhìn tổng quan về chính phủ điện tử, chính phủ số. Các ứng dụng chủ yếu của Chính phủ điện tử và Chính phủ số trong quản lý nhà nước và thực tiễn xây dựng, vận hành chính phủ điện tử, chính phủ số ở Việt Nam hiện nay.
12	Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới Theoretical Foundations of the Party and Party Building under New Conditions	Học phần “Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới ” trang bị những kiến thức cập nhật, đổi mới về những vấn đề lý luận về Đảng và xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ. Trên cơ sở hệ thống, cập nhật, nâng cao những phát triển mới về mặt lý luận trong quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
		dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ. Trình bày những vấn đề bổ sung, phát triển những nhận thức mới về mặt lý luận trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ.
13	Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền (The Communist Party of Vietnam's leadership in the context of building a rule of law state)	Học phần <i>Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền</i> cung cấp cho người học những tri thức cơ bản và hệ thống về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền; bản chất, vị trí, vai trò và trách nhiệm của Đảng cầm quyền trong hệ thống chính trị ở Việt Nam. Học phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phương thức lãnh đạo và cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thông qua việc nghiên cứu các nội dung như nguyên tắc cầm quyền của Đảng, các phương thức lãnh đạo chủ yếu, học phần giúp người học nhận thức sâu sắc yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay. Học phần góp phần hình thành và củng cố bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy lý luận, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn công tác xây dựng Đảng; nâng cao ý thức trách nhiệm của người học trong việc giữ vững vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.
14	Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực trọng yếu (nâng cao)	Học phần trang bị cho học viên kiến thức về vai trò, chức năng và phương thức quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực trọng yếu như: kinh tế, tài chính – ngân sách, đất đai – tài nguyên, môi trường, giáo dục, y tế, văn hóa – xã hội, quốc phòng, an ninh và chuyển đổi số; làm rõ yêu cầu bảo đảm ổn định, phát triển bền vững và lợi ích quốc gia – dân tộc. Học phần chú trọng nâng cao năng lực phân tích chính sách, xử lý tình huống quản lý phức tạp, đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật và đề xuất giải pháp đổi mới quản lý nhà nước trong các lĩnh vực trọng yếu, đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại.
15	Xây dựng Đảng về đạo đức. (Building the Communist	Học phần xây dựng đảng về đạo đức trang bị cho người học những nội dung kiến thức cơ bản về xây dựng Đảng về đạo đức, trong đó tập trung phân tích

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
	Party on the Basis of Morality.	những vấn đề trọng tâm sau: về đạo đức, đạo đức cách mạng; xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung và phương thức xây dựng Đảng về đạo đức; thực trạng và những giải pháp tăng cường trong xây dựng Đảng về đạo đức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.
16	Quản lý công Public Management	Quản lý công là cách tiếp cận hành chính công từ giác độ chuyển đổi tư duy quản lý trong bối cảnh cải cách. Học phần giới thiệu cách tiếp cận này trên cơ sở một số mô hình lý thuyết, xác định phạm vi khu vực công và các chức năng do khu vực công đảm nhiệm. Từ đó, đi sâu vào làm rõ các nội dung quan trọng nhất trong quản lý các tổ chức thuộc khu vực công như quản lý chiến lược, quản lý thực thi, quản lý nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa tổ chức công, quản lý sự thay đổi. Các nội dung này là nền tảng để xác định các xu hướng cải cách khu vực công trên thế giới và nước ta hiện nay.
17	Chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng Digital transformation in the field of Party building	Học phần cung cấp cho Học viên những nội dung cơ bản về Chủ trương, đường lối của Đảng về chuyển đổi số: Nghiên cứu sâu Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết 52-NQ/TW và đặc biệt là các chỉ đạo mới của Tổng Bí thư về "Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc" gắn liền với cách mạng số. Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng: Thay đổi phương thức lãnh đạo: Từ lãnh đạo dựa trên kinh nghiệm sang lãnh đạo dựa trên dữ liệu (Data-driven leadership) và tri thức số. Đồng thời vận dụng một số ứng dụng số trong các nghiệp vụ xây dựng Đảng gồm công tác tổ chức cán bộ; công tác dân vận tuyên giáo, công tác kiểm tra giám sát.
18	Nghệp vụ công tác tổ chức, cán bộ của Đảng Professional skills in Party Organization and Cadre Work in the New Context	Học phần Công tác tổ chức, cán bộ của Đảng trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cập nhật về vị trí, vai trò, nguyên tắc và nội dung công tác tổ chức, cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần tập trung làm rõ yêu cầu đổi mới công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng nhiệm vụ xây dựng Đảng và phát triển đất nước trong bối cảnh mới.
19	Quản lý nguồn nhân lực khu vực công Public sector human resource management	Học phần <i>Quản lý nguồn nhân lực khu vực công</i> cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và hiện đại về quản lý nguồn nhân lực trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Học phần tập trung vào các nội dung như hoạch định,

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
		tuyển dụng, sử dụng, đào tạo – bồi dưỡng, đánh giá và đãi ngộ nhân lực khu vực công, góp phần nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả hoạt động của nền hành chính nhà nước trong bối cảnh cải cách và chuyển đổi số.
20	Kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng hiện nay Inspection, supervision, and disciplinary work of the Party in the current period	Học phần “Kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng hiện nay” trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản và nâng cao về vị trí, vai trò, nguyên tắc, nội dung, phương thức và quy trình công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, hội nhập quốc tế sâu rộng và đẩy mạnh chuyển đổi số. Học phần tập trung phân tích quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam; các quy định của Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; làm rõ mối quan hệ giữa kiểm tra, giám sát với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; vai trò của công tác kiểm tra, giám sát trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Bên cạnh đó, học phần chú trọng rèn luyện cho người học năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua phân tích tình huống, nghiên cứu vụ việc, kỹ năng phát hiện dấu hiệu vi phạm, tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kỷ luật đảng viên, tổ chức đảng; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng.
21	Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng Party building in terms of politics and ideology	Học phần Xây dựng Đảng về Chính trị, Tư tưởng trang bị cho học viên những vấn đề trọng tâm là bảo vệ nền tảng tư tưởng và đấu tranh trên mặt trận văn hóa dựa trên 3 nhóm nội dung Công tác lý luận: Việc tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận để giải quyết những vấn đề mới phát sinh (ví dụ: quản lý mạng xã hội, kinh tế số, biến đổi cơ cấu giai cấp).; Tuyên truyền và giáo dục chính trị: Đổi mới phương pháp truyền thụ nghị quyết, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái: Kỹ năng nhận diện và phê phán các luận điệu của các thế lực thù địch (diễn biến hòa bình, tự diễn biến, tự chuyển hóa). Trên cơ sở đó có khả năng đánh giá, phân tích, vận dụng vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề Chống suy thoái đạo đức, lối sống; xây dựng Văn hóa chính trị trong Đảng và Chuyển đổi số trong công tác tư tưởng.

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
22	Công tác cán bộ của Đảng The Party's organizational and cadre work	Học phần <i>Công tác cán bộ của Đảng</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cập nhật về vị trí, vai trò, nguyên tắc và nội dung công tác tổ chức, cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần tập trung làm rõ yêu cầu đổi mới công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng nhiệm vụ xây dựng Đảng và phát triển đất nước trong bối cảnh mới.
23	Văn hóa chính trị Việt Nam Vietnamese political culture	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa chính trị Việt Nam bao gồm lý luận về văn hóa chính trị, văn hóa chính trị Việt Nam từ xã hội truyền thống đến hiện đại, văn hóa Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đó, người học có thể nghiên cứu về văn hóa chính trị của các tổ chức trong hệ thống chính trị và văn hóa chính trị cá nhân; trân trọng, biết ơn, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa chính trị Việt Nam; vận dụng vào xây dựng văn hóa chính trị tại cơ quan, đơn vị.
24	Xây dựng chính quyền địa phương Local government building	Học phần trang bị cho học viên hệ thống kiến thức lý luận và thực tiễn về tổ chức, hoạt động và quá trình xây dựng, hoàn thiện chính quyền địa phương ở Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập. Nội dung học phần tập trung làm rõ các vấn đề về vị trí, vai trò của chính quyền địa phương trong bộ máy nhà nước; nguyên tắc tổ chức và hoạt động; phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương; quản lý nhà nước theo lãnh thổ; cải cách tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phục vụ nhân dân. Thông qua học phần, học viên được rèn luyện năng lực phân tích, đánh giá chính sách và thực tiễn xây dựng chính quyền địa phương, vận dụng kiến thức vào công tác quản lý, tham mưu và hoạch định chính sách ở địa phương.
25	Quản lý nhà nước về thanh và trẻ em Government management of youth and children	Học phần "Quản lý nhà nước về thanh niên và trẻ em" trang bị cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chủ thể, nội dung, phương thức và công cụ quản lý nhà nước trong công tác thanh niên và công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở Việt Nam hiện nay. Người học được tìm hiểu cơ sở lý luận, pháp lý, chính sách, bộ máy tổ chức và các chương trình, chiến lược quốc gia liên quan. Qua đó, học viên rèn luyện năng lực phân tích, hoạch định và tham mưu chính sách, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước trong giai đoạn mới.

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
26	Kiểm soát quyền lực trong nhà nước pháp quyền Control of power state in the Rule-of-Law	Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về quyền lực, quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa; vấn đề phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các nhánh quyền lực; Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản, cấp bách về kiểm soát quyền lực chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam và kiểm soát quyền lực nhà nước trong Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
27	Cấp ủy và cơ quan tham mưu cấp ủy Party Committees and their advisory bodies	Học phần “Cấp ủy và cơ quan tham mưu cấp ủy” cung cấp cho người học những lý luận hiện đại về lãnh đạo và tham mưu trong hệ thống chính trị; Tư duy chiến lược của Cấp ủy trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, và chuyển đổi số Chuyển đổi số). Phân tích mô hình mối quan hệ giữa cơ quan tham mưu với Cấp ủy và giữa các cơ quan tham mưu trong hệ thống chính trị. Học phần trang bị các kỹ năng tham mưu chiến lược và hoạch định chủ trương; Chuyển đổi số trong công tác Đảng và Cơ quan tham mưu

9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

9.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ dạy học

1	Các loại phòng làm việc	Số lượng	Tổng diện tích(m2)	Trang thiết bị cơ bản
	Phòng hội đồng nhà trường	1	30	Bàn ghế làm việc, máy tính, máy in, Điều hòa
	Phòng làm việc của Ban giám hiệu	6	236	Bàn ghế làm việc, máy tính, máy in, Điều hòa
	Phòng làm việc của giáo sư và phó giáo sư	4	116	Bàn ghế làm việc, máy tính, máy in, Điều hòa
	Phòng làm việc của các khoa và bộ môn trực thuộc trường	73	1903	Bàn ghế làm việc, máy tính, máy in, Điều hòa
	Số phòng họp của cán bộ giảng dạy	7	372	Bàn ghế làm việc, Điều hòa
	Số phòng, ban đoàn thể	25	614	Bàn ghế làm việc, Điều hòa
2	Phòng học, giảng đường			
	Phòng học tại nhà D	16	1024	Bàn ghế, Máy chiếu, Bộ âm thanh: loa, mix
	Phòng học nhà Hiệu bộ	13	1482	Bàn ghế, Máy chiếu, Bộ âm thanh: loa, mix

	Phòng học Tại Nhà C	28	4750	Bàn ghế, Máy chiếu, Bộ âm thanh: loa, mix
	Phòng bảo vệ luận văn, họp	4	225	Bàn ghế, Máy chiếu, Bộ âm thanh: loa, mix; thiết bị họp trực tuyến
3	Các loại phòng chức năng			
	Số phòng chức năng (hành chính - tổng hợp, tổ chức, cán bộ)	7	280	
4	Khu thể thao			
	Nhà Đa năng	1	395	Điều hòa nhiệt độ
	Sân dạy học Khu nội trú	1	550	Trụ bóng rổ, thiết bị tập thể dục
5	Khác (cụ thể)			
	Phòng truyền thống	1	250	Hệ thống điều hòa
	Trung tâm thông tin thư viện	1	700	2 phòng đọc 50 chỗ ngồi, hệ thống điều hòa, 2 kho sách 115m, 5 máy tính tra cứu dữ liệu
	Hội trường lớn	1	2,300	Hệ thống âm thanh ánh sáng, Màn hình led đầu tư trang thiết bị hiện đại, Hệ thống điều hòa
	Hội trường nhỏ	1	100	Hệ thống âm thanh ánh sáng, Màn hình led đầu tư trang thiết bị hiện đại, Hệ thống điều hòa
	Khu Nội trú	1	4,160	Điều hòa, bình nóng lạnh, giường
	Khu không gian sáng tạo tầng 1,2 nhà Hiệu bộ	2	2,150	Hệ thống điều hòa
	Khu Khởi nghiệp tầng 3 nhà Hiệu Bộ	1	1,486	Hệ thống điều hòa
	Sảnh thực hành kỹ năng Nhà A	1	540	
	Căng tin nhà khách	3	250	Hệ thống điều hòa
	Nhà Khách sinh viên Quốc tế	28	2,007	Hệ thống điều hòa
	Sân Gửi xe	1	1,204	

9.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích	Trang thiết bị
1	Phòng thực hành trực tuyến	1	32	Chân máy quay VCT - VPR1
				Chân máy quay Jieyang 0508AD
				Thẻ nhớ Sandisk SD 64G 170mb/s
				Đọc thẻ Pisen 3.0
				Tai nghe thẩm âm (Tai nghe kiểm âm - ATH-M50X)
				Dây điện
				Gimbal Air cross
				Máy quay cầm tay
				Dây magnet
				Cáp HDMI
				Bàn trộn Black Magic ATEM
				Giá treo máy chiếu
				Màn chiếu phòng học treo tường PL150WS
				Máy tạo khói FM-3000
				Micro thu âm không dây Saramonic Blink 500 B2
				Dây tín hiệu âm thanh SP - 60
				Máy lọc âm thanh DBX215S
				Máy ghi âm Zoom H5 (ghi file tiếng backup)
				Bàn điều khiển đèn led SUNNY 512
				Đèn Spotlight 650W đánh ven, tạo khối
				Chân đèn 2.8

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích	Trang thiết bị
				Đèn led Par Led 54x9W
				Dây tín hiệu âm thanhSP - 60
				Thiết bị trợ giảng AP-18
				Bóng đèn trần Hội trường LED A95N1/20W
				Trục kéo phòng motor điện (2 phòng)
				Phòng vải đơn sắc (ghi và trắng) (3mx10m)
2	Phòng thực hành Tin học	2	120	Máy chủ HPE, màn hình HP 204V 19.5,RD 66AA
	1. Phòng 704 nhà D		60	41 Máy tính để bàn Dell Vostro 3671, màn hình Dell E 2016HV
				Hệ thống mạng Lan
				2 Camera
				2 Bộ Loa
				1 Máy chiếu
	2. Phòng 706 nhà D		60	41 Máy tính để bàn Dell Vostro 3671, màn hình Dell E 2016HV
				Hệ thống mạng Lan
				2 Camera
				2 Bộ Loa
				1 Máy chiếu
3	Phòng 702 Khu Giảng đường	1	60	Laptop trạm
				Ổ cứng di động 10TB
				Máy quay 4K
				Bộ trộn hình ATEM Mini Pro
				Màn hình QLED TV 85"
				Màn hình Background cho giáo

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích	Trang thiết bị
				viên Touch 75"
				Thiết bị hội nghị truyền hình Full HD
				Microphone thu âm không dây kèm pin sạc
				Micro không dây
				Loa treo tường
				Điều hòa Panasonic 12000BTU
				Điều hòa Panasonic 18000BTU
				Điều hòa
				Bàn điều khiển ánh sáng trong trường quay
				Bàn trộn liên công suất 16 kênh
				Đèn Fill Light cho Sutido
				Đèn Key Light cho Sutido
				Hệ thống khung treo đèn
				Bộ đèn phát sóng hồng ngoại Vega
				Cục đẩy công suất
				Thi công cabin đôi
				hệ thống phần mềm quản lý đào tạo

9.3. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

TT	Hạng mục	Diện tích
Cơ sở nhà Hiệu bộ	Tổng diện tích đất	
	Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ ĐT, NCKH	
	Diện tích thư viện	khoảng 770 m2 (5/2024-nay)

TT	Hạng mục	Diện tích
Cơ sở nhà B	Tổng diện tích đất	
	Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ ĐT, NCKH	
	Diện tích thư viện nhà B	khoảng 500m2 (trước 4/2021)
Cơ sở nhà D	Tổng diện tích đất	
	Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ ĐT, NCKH	
	Diện tích thư viện	khoảng 240m2 (từ 4/2021-5/2024)

STT	Tên tài liệu	Số đầu sách	Số bản sách	Số đầu sách được cập nhật trong trong chu kỳ đánh giá	Tổng kinh phí đầu tư trong trong chu kỳ đánh giá
Thư viện truyền thống (bản cứng)					
1	Giáo trình, tập bài giảng	Phần mềm lỗi thời nên không đáp ứng được yêu cầu xuất file đủ thông tin		Nguồn mua: 1 đầu sách / 100 bản Nguồn in: 11 đầu sách / 2.900 bản	Nguồn mua: 9.000.000 đ Nguồn in: 248.655.200 đ
2	Sách tham khảo	Phần mềm lỗi thời nên không đáp ứng được yêu cầu xuất file đủ thông tin		Nguồn mua: 2 đầu sách / 10 bản	Nguồn mua: 450.000 đ
3	Luận văn, khóa luận	45	45	45	không có giá tiền
4	Học liệu khác (viết rõ)	0	0	0	0
Thư viện số (bản điện tử)					
1	Giáo trình	21	21	19	0
2	Sách tham khảo	0	0	0	0

STT	Tên tài liệu	Số đầu sách	Số bản sách	Số đầu sách được cập nhật trong trong chu kỳ đánh giá	Tổng kinh phí đầu tư trong trong chu kỳ đánh giá
3	Luận án, luận văn	0	0	0	0
4	Học liệu khác (viết rõ)	0	0	0	0

9.4 Danh mục tài liệu, giáo trình

TT	Môn học	Số tín chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
1	Triết học	4	1. Giáo trình Triết học (2016), do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Nxb Đại học Sư phạm (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHXH và NV không chuyên ngành triết học).
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2. Nguyễn Hữu Minh (2016). Phương pháp nghiên cứu xã hội học. Nxb. Khoa học xã hội. 3. Rubin, A., & Babbie, E. R. (2013). Research methods for social work (8th ed.). Brooks/Cole Cengage Learning.
3	Ngoại ngữ	4	4. Emma Heyderman, Peter May (2010). Complete Pet (Students' book). Cambridge Univeristy Press. 5. Liz Driscoll (2007). Common mistakes at PET. Cambridge Univeristy Press. 6. Louise Hashemi, Barbara Thomas (2009). Grammar for PET(Students' book). Cambridge Univeristy Press. 7. Malcolm Mann, Steve Taylore-Knowles (2008). Destination B1 Grammar & Vocabulary . Maccmillan Sue Ireland, Joanna Kosta (2008). Vocabulary for Pet. Cambridge University Press.

TT	Môn học	Số tín chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
4	Chính trị học nâng cao	2	8. Học viện Báo chí và Tuyên truyền, PGS.TS Lưu Văn An (2016), Giáo trình Chính trị học nâng cao: Dành cho hệ đào tạo thạc sĩ, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội. 9. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2021), Giáo trình Quan hệ quốc tế - Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội. 10. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2023), Tập Tài liệu: Chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay (Dùng cho nội bộ - Hệ đào tạo cao học, chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước), Hà Nội.
5	Quản trị địa phương	2	11. Lê Thị Hương, Tập bài giảng Quản trị địa phương, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, 2022 12. Nguyễn Quốc Việt, Dự án của UNDP “Cải cách hành chính và đề xuất chiến lược phát triển và giảm nghèo toàn diện ở Hà Giang”, ĐHQGHN 13. Nguyễn Đăng Phương Truyền, Nâng cao năng lực quản trị của chính quyền địa phương ở nước ta hiện nay, Viện nghiên cứu lập pháp, 2021
6	Nghiên cứu thực tế xây dựng Đảng	3	14. Kế hoạch thực tế Xây dựng chính quyền Nhà nước cho Học viên ngành XDD&CQNN 15. Mẫu phiếu đánh giá quá trình thực tế dùng cho cơ sở thực tế 16. Mẫu nhật ký thực tế của Học viên. Hướng dẫn viết báo cáo thực tế của Học viên.
7	Nghiên cứu thực tế xây dựng Chính quyền nhà nước	3	17. Kế hoạch thực tế Xây dựng chính quyền Nhà nước cho Học viên ngành XDD&CQNN 18. Mẫu phiếu đánh giá quá trình thực tế dùng cho cơ sở thực tế 19. Mẫu nhật ký thực tế của Học viên. Hướng dẫn viết báo cáo thực tế của Học viên.

TT	Môn học	Số tín chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
8	Chính sách công	2	20. TS. Cao Quốc Hoàng & TS. Nguyễn Đỗ Kiên. Chính sách công - Lý luận và Thực tiễn, Nxb Tư pháp, 2017/2022): 21. Lê Văn Gấm, Nguyễn Thị Ánh Mây, Thực hiện chính sách công – Những vấn đề lý luận và thực tiễn NXB Khoa học xã hội, 2021 22. 3.Eugene Bardach & Eric M. Patashnik, A Practical Guide for Policy Analysis: The Eightfold Path to More Effective Problem Solving, Six Edition 2021
9	Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo	2	23. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023), Giáo trình Tôn giáo và tín ngưỡng (dùng cho hệ đào tạo Cao cấp LLCT), Nxb. Lý luận chính trị. 24. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023), Giáo trình Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay, dùng cho hệ đào tạo Cao cấp LLCT), Nxb. Lý luận chính trị. 25. Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội - 2013, tr.15, 26. Chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, Nxb. Văn hoá dân tộc Hà Nội - 2000, Tr 127 27. 5. Nguyễn Phú Trọng, Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội - 2023.
10	Lãnh đạo và kỹ năng lãnh đạo chính trị	2	28. Nguyễn Hải Đăng (Đồng chủ biên): Khoa học quản lý, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2018. 29. Harold Koontz, Cyril Odonnell và Heinz Weihrich (1992). Những vấn đề cốt yếu của quản lý (Người dịch: Vũ Thiều, Nguyễn Mạnh Quân, Nguyễn Đăng Dậu). NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội. 30. John C. Maxwell (Đăng Oanh và Hà Phương dịch): “Nhà lãnh đạo 3600”, Nhà xuất bản lao động, năm 2014 31. John C.Maxwell (Đinh Việt Hòa, Nguyễn Thị Kim Oanh dịch), “Phát triển kỹ năng lãnh đạo”. Nhà xuất bản lao động, năm 2015.

TT	Môn học	Số tín chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
11	Chính phủ điện tử và chính phủ số	2	32. Học viện Hành chính quốc gia (2017), Giáo trình Chính phủ điện tử 33. Lê Nguyễn Trường Giang, Lê Phương Hà, Lê Minh Nguyễn, Thủ đẩy tiến trình chuyển đổi số Quốc gia (NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023 34. Darrell M. West , Digital Government: Technology and Public Sector Performance, Nxb Princeton University Press, 2005
12	Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới	2	35. Cương lĩnh chính trị (2011) của Đảng Cộng sản Việt Nam 36. Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI, XII, XIII 37. Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Xây dựng Đảng: Giáo trình Xây dựng Đảng. PGS.TS. Trần Thị Anh Đào, PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn, TS.Nguyễn Thị Ngọc Lan (Đồng chủ biên), Nxb.Lý luận chính trị, Hà Nội, 2016. 38. C.Mác và Ph.Ăng-ghen: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 2, 4, 16. 39. V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, tập 41, 44, 54. 40. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 01- 15. 41. 7. Sách “ Xây dựng chính đôn Đảng- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn” GS.TS. Nguyễn Phú Trọng, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2012
13	Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền	2	42. PGS. TS. Vũ Trọng Lâm, Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2020
14	Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực trọng yếu (nâng cao)	2	43. PGS.TS Vũ Công Giao, Vận dụng các Nguyên tắc của Quản trị Nhà nước tốt vào đổi mới Quản lý Nhà nước ở Việt Nam hiện nay, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2022 44. TS Đặng Xuân Hoan, Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường, NXb Chính trị quốc gia Sự thật 2020 45. TS Tạ Thị Hương (Chủ biên), Quản lý nhà nước về xã hội, Nxb Bách khoa, 2021

TT	Môn học	Số tín chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
15	Xây dựng Đảng về đạo đức	2	46. Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Xây dựng Đảng: Giáo trình Xây dựng Đảng về Tư tưởng và Đạo đức PGS.TS.Nguyễn Văn Giang, TS.Trần Thị Hương, TS.Nguyễn Thị Thu Thủy (Đồng chủ biên), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018 (Dùng cho các trường đại học và cao đẳng). 47. Nguyễn Phú Trọng: Xây dựng chính đồn Đảng là nhiệm vụ then chốt để phát triển đất nước, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017. 48. Ban Tuyên giáo Trung ương: Tài liệu học tập trong cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007... 49. Nguyễn Vĩnh Thanh, Hoàng Văn Hoan, Vũ Văn Hậu (2022), Xây dựng Đảng về đạo đức một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội. 50. Trương Ngọc Nam, Hoàng Anh đồng chủ biên (2011), Đảng ta là đạo đức là văn minh, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
16	Quản lý công	2	51. PGS.TS. Nguyễn Hữu Hải (Chủ biên), Quản lý công, Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật 2014. 52. PGS.TS. Nguyễn Hữu Hải (Chủ biên), Cải cách hành chính – lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật 2015. 53. Hughes Owen E., Public Management and Administration, 3rd edition, Palgrave Macmillan, 2003.
17	Chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng		54. Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; 2. Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, các chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số 55. Thông báo 05-TB/CQTTBCĐ ngày 5/1/2026 Kết luận của Ban chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng. 56. Kế hoạch số 173 -KH/BTGDVTW xây dựng Đề án chiến lược công tác tư tưởng của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số, ngày 16/12/2025 57. Bảo Trung, Nguyễn Nhàn, Chuyển đổi số trong cơ quan Đảng: Đổi mới phương thức lãnh

TT	Môn học	Số tín chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
			đạo trong kỷ nguyên số, Báo Dân trí, 28-05-2025
18	Nghệp vụ công tác tổ chức, cán bộ của Đảng	2	58. GS.TS. Nguyễn Minh Tuấn, Xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2021
19	Quản lý nguồn nhân lực khu vực công	2	59. Cao Văn Thống và Vũ Trọng Lâm, Đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ trong giai đoạn mới (Sách chuyên khảo)Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2024 60. Evan M. Berman, James S. Bowman, Jonathan P. West, và Montgomery Van Wart.Human Resource Management in Public Service: Paradoxes, Processes, and Problems, Seventh Edition (2022/2023). 61. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quân & PGS.TS. Nguyễn Văn Điềm., Giáo trình quản trị nhân lực, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân 2023
20	Kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng hiện nay	2	62. Nguyễn Xuân Phương (ch.b.); Phạm Thành Nam; Nguyễn Quỳnh Giao; Nguyễn Thị Thanh Bình, Giáo trình công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2017
21	Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng	2	63. Học viện Báo chí và Tuyên truyền, PGS.TS.Nguyễn Văn Giang, TS.Trần Thị Hương, TS.Nguyễn Thị Thu Thủy (Đồng chủ biên) (2018), Khoa Xây dựng Đảng: Giáo trình Xây dựng Đảng về Tư tưởng và Đạo đức, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
22	Công tác cán bộ của Đảng	2	64. PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn, Xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2021 65. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 66-101 66. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 269-280 67. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 20-

TT	Môn học	Số tín chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
			40 68. Đảng Cộng sản Việt Nam: Kết luận số 24-KL/TW ngày 05/6/2012 Bộ Chính trị khóa XI về đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và những năm tiếp theo 69. Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ 70. Về cán bộ và công tác cán bộ trong thời kỳ đổi mới - Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2018
23	Văn hóa chính trị Việt Nam	2	71. Phạm Thị Hằng (2025), Tài liệu học tập Văn hóa chính trị Việt Nam, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. 72. Nguyễn Minh Khoa (2016), Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh với việc xây dựng văn hóa chính trị Việt Nam, Sách tham khảo, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội. 73. Nguyễn Phú Trọng (2024), Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, HN. 74. Lâm Quốc Tuấn (2008): Nâng cao văn hoá chính trị của cán bộ lãnh đạo quản lý ở nước ta hiện nay, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội. 75. Phạm Hồng Tung (2021), Văn hóa chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hóa chính trị (chuyên luận, xuất bản lần thứ ba, có bổ sung), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24	Xây dựng chính quyền địa phương	2	76. GS.TS Trần Ngọc Đường, Tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam trong giai đoạn mới, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2023. 77. PGS.TS Nguyễn Hữu Hải, Quản trị địa phương: Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật 2023 78. TS Thang Văn Phúc và PGS.Ý Nguyễn Đăng Thành ~ Chủ biên), Một số lý thuyết và kinh nghiệm tổ chức nhà nước trên thế giới, Nxb Chính trị QG, Hà Nội, 2013. 79. S.Chiavo - Combo và P.S.A Suradam: Phục vụ và duy trì; cải thiện hành chính công trong một

TT	Môn học	Số tín chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
			thế giới cạnh tranh, chương 4, Nxb Chính trị quốc gia
25	Quản lý nhà nước về thanh, thiếu niên và trẻ em	2	80. TS. Vũ Đăng Minh, Quản lý nhà nước về công tác thanh niên thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, NXB Chính trị Quốc gia, 2016; 81. Bộ Nội vụ, UNFPA, Báo cáo Tình hình thanh niên Việt Nam giai đoạn 2015 – 2018, Hà Nội, 2019; 82. Nguyễn Văn Trung (1995), Quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác thanh niên, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 83. Viện Nghiên cứu Thanh niên, Báo cáo Giới thiệu về chính sách, pháp luật về thanh niên của các quốc gia trên thế giới, Hà Nội, 2019 84. Vũ Trọng Kim (1999), Quản lý nhà nước về công tác thanh niên trong thời kì mới, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
26	Kiểm soát quyền lực trong nhà nước pháp quyền	2	85. Giáo trình "Kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay" TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2022. 86. Các Quy định của Đảng: Quy định số 178-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Quy định số 114-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; Quy định số 189-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; Quy định 131-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực, phòng chống tiêu cực trong kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Quy định số 132-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án... 87. GS. TS Nguyễn Đăng Dung, Kiểm soát quyền lực Nhà nước", Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, tái bản 2021 88. TS Nguyễn Long Hải, Thử chế pháp lý về kiểm soát quyền lực Nhà nước ở Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2021.
27	Cấp ủy và cơ quan tham mưu cấp ủy	2	89. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 66-

TT	Môn học	Số tín chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
			101. 90. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 269-280. 91. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 20-40. 92. Kết luận số 24-KL/TW ngày 05-6-2012 Bộ Chính trị khóa XI về đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

VIỆN
 VI
 VIỆN
 NAM
 HN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVTTNVN ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước
 - + Tên tiếng Anh: Master of Building up the Party and State Government
 - + Mã ngành đào tạo: 8310202
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 02 năm; thời gian tối đa hoàn thành chương trình: 04 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Định hướng: **Ứng dụng**
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam nhằm đào tạo cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, chuẩn mực; có kiến thức chuyên sâu, hệ thống về Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; có khả năng nghiên cứu và vận dụng lý luận để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền Nhà nước; có khả năng giảng dạy, nghiên cứu, tham mưu, hoạch định và triển khai chính sách trong các cơ quan Đảng, nhà nước, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức khác; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước và một số ngành phù hợp khác... góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị.

2.2 Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Chương trình trang bị kiến thức cho người học hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước. Kiến thức lý luận, thực tiễn về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền Nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế và phương pháp nghiên cứu khoa học của ngành đào tạo. Nghiệp vụ về các mặt của công tác xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền Nhà nước.

2.2.2. Về kỹ năng

Chương trình trang bị cho người học những kỹ năng khả năng vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và thực tiễn công

tác xây dựng Đảng và xây dựng Chính quyền Nhà nước. Có kỹ năng phát hiện, vận dụng, phân tích giải quyết các vấn đề thực tiễn về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhà nước; kỹ năng lãnh đạo, quản lý; kỹ năng tham mưu cho cấp ủy, lãnh đạo đơn vị trong hệ thống chính trị và trong các doanh nghiệp; xử lý các tình huống trong thực tiễn công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước. Có năng lực, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước. Có kỹ năng tham mưu, tư vấn chính sách; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận nhóm và làm việc nhóm linh hoạt và đúng quy định. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và xử lý tình huống trong thực tiễn công tác xây dựng Đảng và xây dựng Chính quyền Nhà nước.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm

Chương trình góp phần tạo lập và củng cố ở người học thái độ có khả năng tự chịu trách nhiệm; có năng lực làm việc độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân trong điều kiện làm việc thay đổi; đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch. Có năng lực làm việc nhóm, khả năng dẫn dắt, lãnh đạo trong hoạt động chuyên môn. Có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

KT1: Vận dụng kiến thức triết học và phương pháp luận khoa học vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn trong xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học của ngành vào giải quyết các vấn đề thực tiễn cụ thể, bảo đảm tính khoa học, tính khả thi và hiệu quả ứng dụng.

KT2: Vận dụng kiến thức về Đảng cầm quyền, phương thức lãnh đạo của Đảng, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách hành chính vào thực tiễn quản lý, lãnh đạo ở địa phương và cơ sở. Phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp đối với các vấn đề thực tiễn của công tác xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; công tác dân vận; công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

KT3: Vận dụng tư duy quản lý công và quản trị hiện đại trong xây dựng chính quyền nhà nước, quản trị địa phương, quản lý công vụ, kiểm soát quyền lực, quản lý nhà nước về thanh niên và trẻ em trong bối cảnh chính phủ số, chính quyền điện tử.

3.2. Kỹ năng

KN1: Có kỹ năng tham mưu, phản biện và tư vấn chính sách trong lĩnh vực xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước gắn với yêu cầu phát triển bền vững. Thiết kế và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức Đảng và bộ máy chính quyền theo hướng hiệu quả, thực chất.

KN2: Thành thạo trong tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật ở địa phương và cơ sở. Có kỹ năng sử dụng công nghệ mới, phương pháp quản trị hiện đại trong nghiên cứu, tham mưu và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách.

KN3: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết phục, làm việc nhóm và ra quyết định trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và tham mưu.

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

TC1: Có năng lực thích nghi, tự định hướng nghề nghiệp và phát triển bản thân trong bối cảnh đổi mới quản trị quốc gia. Chủ động, sáng tạo trong phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn của công tác xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền nhà nước.

TC2: Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tham mưu và tư vấn cho lãnh đạo, quản lý.

TC3: Thể hiện đạo đức chính trị, tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ Nhân dân.

3.4. Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ

NN: Tiếng Anh đạt trình độ 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên) hoặc các chứng chỉ tương đương theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 30/8/2021 về Ban hành hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Công tác tại các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội từ trung ương đến địa phương, các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

- Nghiên cứu, giảng dạy tại các trường đại học, học viện, các trường chính trị, các viện nghiên cứu

- Tham mưu, tư vấn, xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước tại các tổ chức thuộc khu vực công và khu vực tư.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ trong và ngoài nước cũng ngành đào tạo hoặc ngành đào tạo gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

- Có khả năng tiếp cận với qui định, quy trình công việc cụ thể đối với các vị trí được đảm nhận.

- Có khả năng học tập, nghiên cứu, tư duy sáng tạo để phát triển năng lực ở các cấp quản lý.

6. Các chương trình, chuẩn đầu ra đã đối sánh và tham khảo

6.1. Đối sánh với CTĐT định hướng nghiên cứu trong nước

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được xây dựng trên cơ sở kế thừa, đối sánh và tham khảo có chọn lọc các chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước uy tín trong nước, bảo đảm tuân thủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời phù hợp với sứ mệnh, chức năng và định hướng phát triển của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được đối sánh với: chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Chính trị Bộ Công an.

Chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền tập chung nhiều vào kiến thức chung (14 tín chỉ) và kiến thức chuyên ngành (25 tín chỉ), trong đó có nhiều học phần mang tính ứng dụng cao như: Khoa học và nghệ thuật lãnh đạo, quản lý; Chính phủ điện tử; Quản lý tài chính công; Giao tiếp công vụ và PR trong hoạt động Chính phủ...

Chương trình đào tạo của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh lại tập chung nhiều vào khối kiến thức cơ sở ngành (15 tín chỉ) và kiến thức chuyên ngành (31 tín chỉ), trong đó có nhiều chuyên đề mang tính ứng dụng như: Thực hiện dân chủ trong Đảng ở nước ta hiện nay; Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hiện nay; Phương pháp viết luận văn thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước...

Học viện Chính trị Bộ Công an lại đảm bảo cân đối ở 3 khối kiến thức: kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (mỗi khối kiến thức 10-14 tín chỉ).

Các CTĐT định hướng nghiên cứu trên cho thấy việc tăng số lượng các học phần hoặc chuyên đề mang tính ứng dụng là cần thiết, ngoài ra có cơ sở tăng thêm những chuyên

để về viết luận văn thạc sĩ ngành ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước để giúp học viện có thể hoàn thành một Luận văn chất lượng cao.

6.2. Đối sánh chương trình đào tạo quốc tế

Các chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo nước ngoài được tham khảo, đối sánh là 02 chương trình đào tạo nước ngoài là: Đại học Nhân dân Trung Quốc - RUC (Trung Quốc) và Đại học Quốc gia Singapore - NUS (Singapore).

Với chương trình đào tạo thạc sĩ của Đại học Nhân dân Trung Quốc - RUC (Trung Quốc) tập trung chuyên sâu vào hệ thống Đảng - Nhà nước; Gắn lý luận Mác – Lênin với thực tiễn Trung Quốc; Phù hợp với học viên từ các nước có hệ thống chính trị tương đồng.

Còn với chương trình đào tạo thạc sĩ của Đại học Quốc gia Singapore - NUS (Singapore) tập trung nhiều vào những vấn đề Toàn cầu hóa, thực tiễn, hiện đại; phát triển kỹ năng lãnh đạo, phân tích chính sách; Nội dung cập nhật, giảng viên quốc tế...

Có thể thấy so với các chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước ở trong nước và ngoài nước, chương trình đào tạo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã thực hiện đúng bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam, có sự tương đồng nhất định với các chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước ở các cơ sở đào tạo uy tín và thể hiện rõ sứ mệnh, tầm nhìn của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam trong đào tạo và nghiên cứu. Định hướng nghiên cứu rõ ràng, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị.

7. Ma trận đóng góp của chuẩn đầu ra vào mục tiêu Chương trình đào tạo của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra.

7.1. Ma trận đóng góp của Chuẩn đầu ra vào Mục tiêu Chương trình đào tạo

STT	Mã CDR	Mục tiêu 1	Mục tiêu 2	Mục tiêu 3
1.	KT1	3	2	2
2.	KT2	3	2	2
3.	KT3	3	2	2
4.	KN1	2	3	2
5.	KN2	2	3	2
6.	KN3	2	3	2
7.	KN4	2	3	2
8.	TC1	2	2	3
9.	TC2	2	2	3
10.	TC3	2	2	3

7.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được của chuẩn đầu ra

STT	Học phần	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10
1	Triết học	x					x				
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x			x				x		
3	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)							x	x		
4	Chính trị		x		x				x		

	học nâng cao										
5	Quản lý công			x		x	x			x	x
6	Nghiên cứu thực tế xây dựng Đảng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Nghiên cứu thực tế xây dựng chính quyền nhà nước	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Chính sách công			x	x	x			x	x	x
9	Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách của Nhà nước về tôn giáo		x		x				x		x
10	Lãnh đạo và kỹ năng lãnh đạo chính trị		x			x	x	x	x	x	x
11	Chính phủ điện tử và chính phủ số			x		x			x	x	x
12	Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới		x		x				x		x
13	Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền		x		x				x		x
14	Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực trọng yếu (nâng cao)			x	x	x		x	x	x	x
15	Xây dựng Đảng về đạo đức		x		x				x	x	x
16	Quản trị địa			x	x	x	x		x	x	x

	phương										
17	Chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng			x		x			x	x	x
18	Nghiệp vụ công tác tổ chức, cán bộ của Đảng		x		x		x		x	x	x
19	Quản lý nguồn nhân lực khu vực công			x		x	x		x	x	x
20	Kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng		x		x		x		x	x	x
21	Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng		x		x		x		x	x	x
22	Tổ chức cán bộ của Đảng		x		x		x		x	x	x
23	Văn hóa chính trị Việt Nam	x					x		x		x
24	Xây dựng chính quyền địa phương			x	x	x	x		x	x	x
25	Quản lý nhà nước về thanh niên và trẻ em			x	x	x		x	x	x	x
26	Kiểm soát quyền lực trong nhà nước pháp quyền			x	x	x	x		x	x	x
27	Cấp ủy và cơ quan tham mưu cấp ủy		x		x	x	x		x	x	x

8. Kế hoạch thực hiện chuẩn đầu ra và cam kết thực hiện

8.1. Kế hoạch thực hiện để đạt chuẩn đầu ra:

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

- Tổ chức xây dựng chương trình dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.

- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định;

- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.

- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo; bố trí đầy đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

8.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định về mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam./.

